

Số: 2890/QĐ-HV

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ
ngành Quản lý Khoa học và Công nghệ**

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Căn cứ Quyết định số 171/QĐ-BKHCN ngày 03 tháng 3 năm 2025 ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐHV ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng học viện về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông và Nghị quyết số 191/NQ-HĐHV ngày 12/4/2025 về Điều chỉnh Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ Thông tư số 54/2026/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 977/QĐ-HV ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông ban hành Quy định xây dựng, cải tiến và phát triển chương trình đào tạo;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Viện trưởng Viện Kinh tế Bưu điện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này **Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý Khoa học và Công nghệ** của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông (Chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Phó Giám đốc Phụ trách Cơ sở Học viện tại Tp. Hồ Chí Minh, Chánh văn phòng, Trưởng các Phòng: Đào tạo, Giáo vụ, Chính trị & Công tác sinh viên, Tài chính kế toán, Quản lý Khoa học công nghệ & hợp tác quốc tế, Tổ chức cán bộ Lao động; Trưởng Trung tâm Khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục, Trưởng các Khoa đào tạo 1 và 2, Viện trưởng Viện Kinh tế Bưu điện, Trưởng khoa đào tạo sau đại học và Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Bộ KH&CN (để b/c);
- Ban Giám đốc HV;
- Lưu VT, ĐT (03).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

GS.TS Từ Minh Phương

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình:	Quản lý Khoa học và Công nghệ
Ngành đào tạo (tiếng Việt):	Quản lý Khoa học và Công nghệ
Ngành đào tạo (tiếng Anh):	Science and Technology Management
Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
Định hướng chương trình:	Định hướng ứng dụng
Mã ngành:	8340412
Hình thức đào tạo:	Chính quy

(Kèm theo Quyết định số 2890/QĐ-HV ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Giám đốc Học viện)

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung (Goals)

Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Quản lý Khoa học và Công nghệ (định hướng ứng dụng, chuyên sâu về quản lý công nghệ) của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông nhằm đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao có kiến thức chuyên sâu về quản lý khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; có năng lực quản lý công nghệ, gồm hoạch định chiến lược, tổ chức triển khai, đánh giá các hoạt động công nghệ, đổi mới sáng tạo và làm việc hiệu quả trong tổ chức/doanh nghiệp trong bối cảnh kinh tế số và hội nhập quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể (Program Objectives - POs)

PO1: Trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu, liên ngành về kinh tế - quản lý, quản lý khoa học và công nghệ phục vụ cho phân tích các vấn đề phức tạp trong quản lý công nghệ và đổi mới sáng tạo của tổ chức/doanh nghiệp trong bối cảnh kinh tế số và hội nhập quốc tế.

PO2: Phát triển năng lực lựa chọn, triển khai, quản lý và đánh giá các hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D), dự án công nghệ, chuyển giao công nghệ, thương mại hóa công nghệ, quản trị tài sản trí tuệ và các hoạt động đổi mới sáng tạo của tổ chức/doanh nghiệp.

PO3: Phát triển năng lực phân tích, dự báo xu hướng công nghệ, ứng dụng các công nghệ số hiện đại như AI, Big Data và các công cụ hỗ trợ ra quyết định nhằm giải quyết các vấn đề thực tiễn về quản lý công nghệ và quản trị doanh nghiệp.

PO4: Phát triển năng lực quản lý sự thay đổi, phối hợp đa ngành và xây dựng môi trường đổi mới sáng tạo; khả năng làm việc hiệu quả trong tổ chức/doanh nghiệp trên cơ sở nhận thức rõ về đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội và định hướng phát triển bền vững.

2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLOs)

Các chuẩn đầu ra (PLOs), mức độ năng lực và các chỉ báo (PIs) của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý Khoa học và Công nghệ của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông là thước đo mức kiến thức, kỹ năng và thái độ tối thiểu mà người học đạt được khi tốt nghiệp. Cụ thể như dưới đây:

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Mức độ năng lực	Các chỉ báo (PIs)
PLO1. Phân tích được các vấn đề phức tạp liên quan đến quản lý công nghệ, đổi mới sáng tạo, R&D và chuyển đổi số của doanh nghiệp trên cơ sở vận dụng kiến thức liên ngành về kinh tế - quản lý, quản lý công nghệ và đổi mới sáng tạo trong bối cảnh kinh tế số và hội nhập quốc tế.	C4 / P3	<i>PI1.1. Phân tích được hiện trạng công nghệ, năng lực công nghệ, hoạt động R&D và đổi mới sáng tạo của tổ chức/doanh nghiệp trên cơ sở tích hợp kiến thức về kinh tế - quản lý, quản lý công nghệ và chuyển đổi số.</i> <i>PI1.2. Phân tích được các yếu tố bên trong và bên ngoài ảnh hưởng đến chiến lược công nghệ, hoạt động R&D, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tổ chức/doanh nghiệp trong bối cảnh kinh tế số và hội nhập quốc tế.</i>
PLO2. Lựa chọn được các công cụ, phương pháp và mô hình phù hợp để quản trị công nghệ, quản lý tài sản trí tuệ, chuyển giao và thương mại hóa công nghệ nhằm nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo và hiệu quả hoạt động của tổ chức/doanh nghiệp.	C5 / P4	<i>PI2.1. Đánh giá được hiện trạng công nghệ, nhu cầu đổi mới công nghệ, tài sản trí tuệ của tổ chức/doanh nghiệp làm cơ sở cho việc lựa chọn phương án quản lý công nghệ phù hợp.</i> <i>PI2.2. Lựa chọn được các công cụ, phương pháp và mô hình quản trị công nghệ, quản lý tài sản trí tuệ, chuyển giao và thương mại hóa công nghệ phù hợp với mục tiêu phát triển và điều kiện thực tiễn của tổ chức/doanh nghiệp.</i>
PLO3. Lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và đánh giá được chiến lược công nghệ, chương trình/hoạt động R&D, đổi mới sáng tạo và dự án công nghệ nhằm nâng cao năng lực công nghệ và hiệu quả hoạt động của tổ chức/doanh nghiệp.	C5 / P3	<i>PI3.1. Lập kế hoạch chiến lược công nghệ, chương trình đổi mới sáng tạo, hoạt động R&D hoặc dự án công nghệ phù hợp với mục tiêu phát triển của tổ chức/doanh nghiệp.</i> <i>PI3.2. Xây dựng được phương án tổ chức và điều phối được nguồn lực để triển khai các hoạt động R&D, đổi mới sáng tạo và dự án công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển của tổ chức/doanh nghiệp.</i>

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Mức độ năng lực	Các chỉ báo (PIs)
		<i>PI3.3. Đánh giá được hiệu quả thực hiện chiến lược công nghệ, hoạt động R&D, chương trình đổi mới sáng tạo và dự án công nghệ trên cơ sở các tiêu chí về công nghệ, tài chính, thị trường và tác động đối với tổ chức/doanh nghiệp.</i>
PLO4. Đề xuất được giải pháp, sáng kiến quản lý công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm giải quyết các vấn đề thực tiễn và nâng cao năng lực cạnh tranh của tổ chức/doanh nghiệp.	C5/ P4	<i>PI4.1 Đề xuất được các giải pháp, sáng kiến quản lý công nghệ, đổi mới sáng tạo hoặc chuyển đổi số nhằm giải quyết các vấn đề thực tiễn của tổ chức/doanh nghiệp.</i> <i>PI4.2. Đánh giá được tính khả thi, hiệu quả và giá trị tạo ra của các giải pháp, sáng kiến quản lý công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên các khía cạnh công nghệ, tài chính, thị trường và tổ chức.</i>
PLO5. Làm việc hiệu quả với các bên liên quan trong các hoạt động quản lý công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; ra quyết định trên cơ sở đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội và định hướng phát triển bền vững của tổ chức/doanh nghiệp.	P4/ A3	<i>PI5.1. Giao tiếp và phối hợp hiệu quả với các bên liên quan trong việc triển khai các hoạt động công nghệ, R&D, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tổ chức/doanh nghiệp.</i> <i>PI5.2. Ra quyết định trên cơ sở đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội và các nguyên tắc phát triển bền vững trong quản lý công nghệ và đổi mới sáng tạo của tổ chức/doanh nghiệp.</i>

(C: miền kiến thức; P: miền kỹ năng; A: miền thái độ; Các mức độ năng lực được xác định trên cơ sở tham chiếu thang cấp độ tư duy Bloom)

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 50 tín chỉ

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH VÀ YÊU CẦU ĐẦU VÀO

4.1. Đối tượng tuyển sinh:

- Là người đã tốt nghiệp trình độ đại học các ngành phù hợp theo quy định của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.
- Có năng lực tiếng Anh từ bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương theo Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.
- Các điều kiện khác theo quy định tại Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.

4.2. Yêu cầu đầu vào: Đã tham dự kỳ tuyển sinh cao học của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông và đủ điều kiện xét trúng tuyển trong kỳ tuyển sinh.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Quy trình đào tạo:

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý Khoa học và Công nghệ định hướng ứng dụng của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông được thực hiện theo học chế tín chỉ, trong thời gian 04 học kỳ, trong đó 03 học kỳ kiến thức tại Học viện và 01 kỳ tốt nghiệp. Kỳ tốt nghiệp bao gồm thực tập tại tổ chức, doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước, viện nghiên cứu, trường đại học hoặc tổ chức có hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, đồng thời thực hiện đề án tốt nghiệp.

Học viên được đào tạo theo phương thức đào tạo tín chỉ, áp dụng Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.

5.2. Công nhận tốt nghiệp

a) Yêu cầu để được công nhận tốt nghiệp:

- Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo đạt yêu cầu từ 5,5 (theo thang điểm 10) trở lên;
- Bảo vệ thành công đề án tốt nghiệp, đạt điểm từ 5,5 (theo thang điểm 10) trở lên;
- Đáp ứng chuẩn đầu ra về năng lực ngoại ngữ của chương trình đào tạo, phù hợp với yêu cầu đối với Bậc 7 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 39/2026/QĐ-TTg ngày 23/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó người học có khả năng giao tiếp thành thạo bằng ngoại ngữ trong lĩnh vực chuyên môn.;
- Chấp hành đúng các quy chế, quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.

b) Kết thúc khóa học, học viên được công nhận và được cấp bằng **Thạc sĩ ngành Quản lý Khoa học và Công nghệ** hệ chính quy khi đã hội tụ đủ các tiêu chuẩn theo quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ.

6. THANG ĐIỂM

Thực hiện theo thang điểm tín chỉ, trong đó điểm chữ (A, B, C, D, F) và thang điểm 4 quy đổi tương ứng được sử dụng để đánh giá kết quả học tập chính thức. Thang điểm 10 được sử dụng để đánh giá điểm thành phần của các học phần.

	Thang điểm 10 (điểm thành phần)	Thang điểm 4	
		Điểm chữ	Điểm số
Điểm đạt	Từ 9,0 đến 10,0	A+	4,0
	Từ 8,5 đến 8,9	A	3,7
	Từ 8,0 đến 8,4	B+	3,5

	Thang điểm 10 (điểm thành phần)	Thang điểm 4	
		Điểm chữ	Điểm số
	Từ 7,0 đến 7,9	B	3,0
	Từ 6,5 đến 6,9	C+	2,5
	Từ 5,5 đến 6,4	C	2,0
Không đạt	Từ 5,0 đến 5,4	D+	1,5
	Từ 4,0 đến 4,9	D	1,0
	Dưới 4,0	F	0,0

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

7.1. Cấu trúc chương trình:

STT	Các khối kiến thức	Số tín chỉ
I	Khối kiến thức chung	5 tín chỉ
II	Khối kiến thức cơ sở ngành	15 tín chỉ
III	Khối kiến thức chuyên ngành	15 tín chỉ
IV	Khối kiến thức tốt nghiệp	15 tín chỉ
	Tổng cộng	50 tín chỉ

7.2. Khung chương trình

7.2.1. Kiến thức chung

TT	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Loại học phần		Học kỳ	Mã học phần tiên quyết
				Bắt buộc	Tự chọn		
1	Triết học <i>Philosophy</i>	BAS4186	3	x		1	
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học <i>Scientific Research Methods</i>	SKD4112	2	x		1	
	Tổng số		5				

7.2.2. Kiến thức cơ sở ngành

TT	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Loại học phần		Học kỳ	Mã học phần tiên quyết
				Bắt buộc	Tự chọn		
3	Kinh tế học quản trị <i>Managerial Economics</i>	BSA43139	3	x		1	
4	Quản trị công nghệ và đổi mới sáng tạo <i>Technology and Innovation Management</i>	MAR4319	3	x		1	
5	Lãnh đạo và hành vi tổ chức <i>Leadership and Organizational Behavior</i>	BSA43140	3	x		2	
6	Quản trị sự thay đổi và chuyển đổi số trong doanh nghiệp <i>Change Management and Digital Transformation in Enterprises</i>	MAR4320	2	x		2	
Tổ hợp học phần tự chọn (Tổ hợp 1/2): 4TC							
Tổ hợp 1 (Quản lý công nghệ trong doanh nghiệp)							
7	Quản trị chiến lược công nghệ <i>Technology Strategy</i>	MAR4321	2		x	2	
8	Quản trị vận hành dựa trên công nghệ <i>Technology-Enabled Operations Management</i>	MAR4322	2		x	2	
Tổ hợp 2 (Kinh doanh và khởi nghiệp công nghệ)							
9	Marketing và phát triển thị trường công nghệ <i>Technology Marketing and Market Development</i>	MAR4323	2		x	2	
10	Khởi nghiệp công nghệ và tạo lập doanh nghiệp <i>Technology Entrepreneurship and New Venture Creation</i>	MAR4324	2		x	2	
	Tổng số		15				

7.2.3. Kiến thức chuyên ngành

TT	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Loại học phần		Học kỳ	Mã học phần tiên quyết
				Bắt buộc	Tự chọn		
11	Quản lý R&D và dự án công nghệ <i>R&D and Technology Project Management</i>	MAR4425	3	x		2	MAR4319
12	Tiêu chuẩn và đánh giá công nghệ <i>Technology Standards and Assessment</i>	MAR4426	3	x		3	MAR4319
13	Quản trị và khai thác tài sản trí tuệ <i>Intellectual Property Management and Exploitation</i>	MAR4427	3	x		3	MAR4319
14	Chuyên đề: Ứng dụng công nghệ số trong quản trị doanh nghiệp <i>Special Topics: Digital Technologies (AI, Big Data, etc.) in Business Management</i>	MAR4428	2	x		3	
Học phần tự chọn: 02 trong số 06 học phần (04TC)							
15	Quản trị nguồn nhân lực khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo <i>Human Resource Management for Science, Technology and Innovation</i>	MAR4429	2		x	3	
16	Phân tích dữ liệu và dự báo công nghệ <i>Data Analytics and Technology Forecasting</i>	MAR4430	2		x	3	
17	Tài chính và đầu tư công nghệ <i>Technology Finance and Investment</i>	FIA4402	2		x	3	
18	Hợp tác đổi mới công nghệ <i>Collaborative Innovation and Technology Partnerships</i>	MAR4431	2		x	3	
19	Quản trị an ninh công nghệ <i>Technology and Cybersecurity Risk Management</i>	SEC4469	2		x	3	
20	Chuyển giao và thương mại hóa công nghệ <i>Technology Transfer and Commercialization</i>	MAR4432	2		x	3	
	Tổng số		15				

7.2.4. Kiến thức tốt nghiệp

TT	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Loại học phần		Học kỳ	Mã học phần tiên quyết
				Bắt buộc	Tự chọn		
22	Thực tập <i>Internship</i>	MAR4533	6	x		4	
23	Đề án tốt nghiệp thạc sĩ Quản lý khoa học và công nghệ <i>Master's Capstone Project</i>	MAR4534	9	x		4	
	Tổng số		15				

8. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

8.1. Kế hoạch học tập chuẩn (Chi tiết kèm theo)

8.2. Tiến trình học tập chuẩn (Chi tiết kèm theo)

9. MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN CỐT LÕI

1. Kinh tế học quản trị

Số tín chỉ: 03

Mã học phần: BSA43139

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Học phần Kinh tế học quản trị thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được giảng dạy ở học kỳ thứ nhất của chương trình. Học phần cung cấp nền tảng lý luận và công cụ phân tích kinh tế phục vụ quá trình ra quyết định trong các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong môi trường cạnh tranh, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Nội dung học phần tập trung vào các nguyên lý kinh tế vi mô ứng dụng trong quản trị; phân tích cung - cầu, chi phí, doanh thu và lợi nhuận; cấu trúc thị trường; hành vi cạnh tranh; chiến lược định giá; phân bổ nguồn lực; và ra quyết định trong điều kiện rủi ro và bất định. Đồng thời, học phần xem xét tác động của công nghệ, dữ liệu và đổi mới sáng tạo đối với hiệu quả kinh doanh và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Thông qua các tình huống thực tiễn và phân tích dữ liệu kinh tế, học viên phát triển năng lực đánh giá các phương án quản trị, lựa chọn giải pháp tối ưu và hỗ trợ xây dựng các quyết định chiến lược trong tổ chức.

2. Quản trị công nghệ và đổi mới sáng tạo

Số tín chỉ: 03

Mã học phần: MAR4319

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Học phần Quản trị công nghệ và đổi mới sáng tạo là học phần nền tảng cốt lõi của chương trình, được giảng dạy ở học kỳ thứ nhất. Học phần trang bị cho người học kiến thức tổng quan về vai trò của công nghệ và đổi mới sáng tạo trong phát triển tổ chức, doanh nghiệp và nền kinh tế. Nội dung học phần bao gồm các khái niệm cơ bản về công nghệ, đổi mới sáng tạo, năng lực công nghệ; vòng đời công nghệ; chiến lược công nghệ; hệ thống đổi mới sáng tạo; quản lý hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D); và quản trị danh mục công nghệ. Học phần cũng giới thiệu các phương pháp đánh giá năng lực công nghệ và các công cụ hỗ trợ ra quyết định trong quản trị công nghệ. Thông qua phân tích tình huống thực tiễn, học viên phát triển năng lực đánh giá hiện trạng công nghệ, nhận diện cơ hội đổi mới và xây dựng các định hướng phát triển công nghệ phù hợp với chiến lược của tổ chức.

3. Lãnh đạo và hành vi tổ chức

Số tín chỉ: 03

Mã học phần: BSA43140

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Học phần Lãnh đạo và hành vi tổ chức thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được giảng dạy ở học kỳ thứ hai của chương trình. Học phần cung cấp cho người học các lý thuyết và công cụ phân tích hành vi cá nhân, nhóm và tổ chức trong môi trường làm việc hiện đại. Nội dung học phần tập trung vào động lực làm việc, văn hóa tổ chức, hành vi lãnh đạo, quản trị xung đột, giao tiếp nội bộ, quyền lực và ảnh hưởng trong tổ chức; đồng thời phân tích các yếu tố thúc đẩy sáng tạo và đổi mới trong các tổ chức tri thức. Học phần đặc biệt nhấn mạnh vai trò của nhà quản lý trong việc dẫn dắt sự thay đổi, xây dựng đội ngũ đa chức năng và phát triển môi trường làm việc hỗ trợ đổi mới sáng tạo. Thông qua nghiên cứu tình huống và thảo luận nhóm, học viên phát triển năng lực lãnh đạo, phối hợp với các bên liên quan và ra quyết định hiệu quả trong các chương trình, dự án khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

4. Quản trị sự thay đổi và chuyển đổi số trong doanh nghiệp

Số tín chỉ: 02

Mã học phần: MAR4320

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Học phần Quản trị sự thay đổi và chuyển đổi số trong doanh nghiệp thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được giảng dạy ở học kỳ thứ hai của chương trình. Học phần cung cấp cho người học kiến thức và công cụ quản lý sự thay đổi trong bối cảnh chuyển đổi số và đổi mới công nghệ của tổ chức/doanh nghiệp. Nội dung học phần tập trung vào các lý thuyết và mô hình quản trị sự thay đổi; các xu hướng chuyển đổi số; đánh giá mức độ sẵn sàng chuyển đổi số; xây dựng chiến lược và lộ trình chuyển đổi số; tái cấu trúc quy trình hoạt động; quản trị dữ liệu và phát triển văn hóa số trong tổ chức. Học phần đồng thời phân tích

vai trò của lãnh đạo, quản trị nguồn nhân lực và các yếu tố ảnh hưởng đến thành công của quá trình chuyển đổi số. Thông qua các tình huống thực tiễn và bài tập ứng dụng, học viên phát triển năng lực phân tích hiện trạng, xây dựng kế hoạch triển khai, tổ chức thực hiện và đánh giá hiệu quả các chương trình chuyển đổi số nhằm nâng cao năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo và hiệu quả hoạt động của tổ chức trong bối cảnh kinh tế số và hội nhập quốc tế.

5. Quản trị chiến lược công nghệ

Số tín chỉ: 02

Mã học phần: MAR4321

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Học phần Quản trị chiến lược công nghệ thuộc nhóm học phần tự chọn của khối kiến thức cơ sở ngành, được giảng dạy ở học kỳ thứ hai của chương trình. Học phần cung cấp cho người học kiến thức và công cụ hoạch định, triển khai và đánh giá chiến lược công nghệ nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững của tổ chức/doanh nghiệp. Nội dung học phần tập trung vào phân tích môi trường công nghệ, đánh giá năng lực công nghệ của tổ chức, nhận diện xu hướng phát triển công nghệ, xây dựng lộ trình công nghệ (Technology Roadmap) và lựa chọn danh mục đầu tư công nghệ phù hợp với mục tiêu phát triển. Học phần đồng thời xem xét mối quan hệ giữa chiến lược công nghệ, chiến lược kinh doanh và chiến lược đổi mới sáng tạo trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế. Thông qua các tình huống thực tiễn, học viên phát triển năng lực xây dựng, tổ chức thực hiện và đánh giá chiến lược công nghệ nhằm tạo lợi thế cạnh tranh và nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức.

6. Quản trị vận hành dựa trên công nghệ

Số tín chỉ: 02

Mã học phần: MAR4322

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Học phần Quản trị vận hành dựa trên công nghệ thuộc nhóm học phần tự chọn theo định hướng quản lý công nghệ trong doanh nghiệp, được giảng dạy ở học kỳ thứ hai. Học phần cung cấp cho người học kiến thức và công cụ quản lý các hoạt động vận hành trong môi trường ứng dụng công nghệ số và tự động hóa. Nội dung học phần tập trung vào thiết kế và tối ưu hóa quy trình kinh doanh; quản lý chuỗi cung ứng; ứng dụng ERP, IoT, AI và phân tích dữ liệu trong quản trị vận hành; quản lý chất lượng; quản trị năng lực sản xuất và dịch vụ; cũng như đo lường hiệu quả hoạt động. Học phần đồng thời phân tích vai trò của công nghệ trong nâng cao năng suất, giảm chi phí và tăng khả năng đáp ứng nhu cầu khách hàng. Thông qua các tình huống thực tiễn, học viên phát triển năng lực đánh giá hiệu

quả vận hành, nhận diện cơ hội cải tiến và đề xuất các giải pháp ứng dụng công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức.

7. Marketing và phát triển thị trường công nghệ

Số tín chỉ: 02

Mã học phần: MAR4323

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Học phần Marketing và phát triển thị trường công nghệ thuộc nhóm học phần tự chọn theo định hướng kinh doanh và khởi nghiệp công nghệ, được giảng dạy ở học kỳ thứ hai. Học phần cung cấp kiến thức và công cụ phân tích thị trường đối với sản phẩm, dịch vụ và giải pháp công nghệ. Nội dung học phần tập trung vào nghiên cứu nhu cầu khách hàng công nghệ; phân khúc và lựa chọn thị trường mục tiêu; định vị giá trị; xây dựng chiến lược tiếp cận thị trường; phát triển mô hình kinh doanh công nghệ; quản trị kênh phân phối và hoạt động truyền thông cho sản phẩm công nghệ mới. Học phần cũng xem xét các thách thức trong thương mại hóa công nghệ và phát triển thị trường trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu. Kết thúc học phần, học viên có khả năng xây dựng chiến lược phát triển thị trường phù hợp nhằm gia tăng khả năng chấp nhận và giá trị thương mại của công nghệ.

8. Khởi nghiệp công nghệ và tạo lập doanh nghiệp

Số tín chỉ: 02

Mã học phần: MAR4324

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Học phần Khởi nghiệp công nghệ và tạo lập doanh nghiệp thuộc nhóm học phần tự chọn theo định hướng kinh doanh và khởi nghiệp công nghệ, được giảng dạy ở học kỳ thứ hai. Học phần cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng phát triển doanh nghiệp dựa trên nền tảng công nghệ và đổi mới sáng tạo. Nội dung học phần tập trung vào nhận diện cơ hội kinh doanh công nghệ; phát triển ý tưởng khởi nghiệp; xây dựng mô hình kinh doanh; thiết kế sản phẩm khả dụng tối thiểu (MVP); kiểm chứng nhu cầu thị trường; huy động nguồn lực; gọi vốn đầu tư; và quản trị tăng trưởng doanh nghiệp công nghệ. Học phần đồng thời giới thiệu các mô hình khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp và các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ. Học viên được phát triển tư duy doanh nhân và năng lực xây dựng các dự án khởi nghiệp công nghệ có tính khả thi và khả năng mở rộng.

9. Quản lý R&D và dự án công nghệ

Số tín chỉ: 03

Mã học phần: MAR4425

Học phần tiên quyết: Quản trị công nghệ và đổi mới sáng tạo

Tóm tắt nội dung:

Học phần Quản lý R&D và dự án công nghệ thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được giảng dạy ở học kỳ thứ hai của chương trình. Học phần cung cấp cho người học kiến thức và công cụ quản lý các hoạt động nghiên cứu, phát triển (R&D) và triển khai dự án công nghệ trong tổ chức/doanh nghiệp. Nội dung học phần tập trung vào vai trò của R&D trong nâng cao năng lực công nghệ và năng lực đổi mới sáng tạo; xây dựng chiến lược và danh mục R&D; xác định, lựa chọn và ưu tiên các dự án công nghệ; lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và điều phối nguồn lực cho hoạt động R&D và dự án công nghệ. Học phần đồng thời trang bị các phương pháp quản lý tiến độ, chi phí, chất lượng, rủi ro và kết quả đầu ra của dự án; đánh giá hiệu quả hoạt động R&D và hiệu quả đầu tư công nghệ trên các khía cạnh công nghệ, tài chính và thị trường. Thông qua các tình huống thực tiễn và bài tập ứng dụng, học viên phát triển năng lực lập kế hoạch, tổ chức triển khai và đánh giá các chương trình R&D, dự án công nghệ nhằm góp phần nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo và hiệu quả hoạt động của tổ chức trong bối cảnh cạnh tranh và chuyển đổi số.

10. Tiêu chuẩn và đánh giá công nghệ

Số tín chỉ: 03

Mã học phần: MAR4426

Học phần tiên quyết: Quản trị công nghệ và đổi mới sáng tạo

Tóm tắt nội dung:

Học phần Tiêu chuẩn và đánh giá công nghệ thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được giảng dạy ở học kỳ thứ ba của chương trình. Học phần cung cấp cho người học kiến thức và công cụ phục vụ hoạt động đánh giá, lựa chọn và quản lý công nghệ trong tổ chức/doanh nghiệp. Nội dung học phần tập trung vào hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các yêu cầu pháp lý liên quan đến công nghệ; các phương pháp đánh giá năng lực công nghệ, mức độ trưởng thành công nghệ (Technology Readiness Level - TRL), hiệu quả kinh tế - kỹ thuật và tác động của công nghệ đối với tổ chức và xã hội. Học phần đồng thời trang bị các công cụ phân tích, so sánh và lựa chọn công nghệ phục vụ hoạt động đầu tư, đổi mới công nghệ và chuyển đổi số. Bên cạnh đó, học viên được tiếp cận các phương pháp đánh giá rủi ro, tính bền vững và khả năng ứng dụng của công nghệ trong các điều kiện thực tiễn khác nhau. Thông qua các tình huống thực tiễn và bài tập ứng dụng, học viên phát triển năng lực đánh giá, lựa chọn và đề xuất các giải pháp công nghệ phù hợp nhằm nâng cao năng lực công nghệ, hiệu quả hoạt động và khả năng phát triển bền vững của tổ chức trong bối cảnh hội nhập và phát triển kinh tế số.

11. Quản trị và khai thác tài sản trí tuệ

Số tín chỉ: 03

Mã học phần: MAR4427

Học phần tiên quyết: Quản trị công nghệ và đổi mới sáng tạo

Tóm tắt nội dung:

Học phần Quản trị và khai thác tài sản trí tuệ thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được giảng dạy ở học kỳ thứ ba của chương trình. Học phần cung cấp cho người học kiến thức và công cụ quản lý tài sản trí tuệ trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tổ chức/doanh nghiệp. Nội dung học phần tập trung vào các loại hình tài sản trí tuệ như sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, bản quyền và bí mật kinh doanh; các nguyên tắc xác lập, bảo hộ và quản lý quyền sở hữu trí tuệ; xây dựng chiến lược sở hữu trí tuệ gắn với chiến lược công nghệ và đổi mới sáng tạo của tổ chức. Học phần đồng thời trang bị các phương pháp định giá, khai thác và thương mại hóa tài sản trí tuệ thông qua chuyển giao công nghệ, cấp phép sử dụng, nhượng quyền và hợp tác kinh doanh. Thông qua các tình huống thực tiễn, học viên phát triển năng lực quản lý, bảo vệ và khai thác hiệu quả tài sản trí tuệ nhằm gia tăng giá trị công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh và nâng cao đạo đức nghề nghiệp cũng như trách nhiệm xã hội của tổ chức trong bối cảnh hội nhập và kinh tế tri thức.

12. Quản trị nguồn nhân lực khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo

Số tín chỉ: 02

Mã học phần: MAR4429

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Học phần Quản trị nguồn nhân lực khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc nhóm học phần tự chọn của khối kiến thức chuyên ngành, được giảng dạy ở học kỳ thứ ba của chương trình. Học phần cung cấp cho người học kiến thức và công cụ quản lý nguồn nhân lực trong các tổ chức có hoạt động khoa học, công nghệ, nghiên cứu và phát triển (R&D), đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Nội dung học phần tập trung vào hoạch định nguồn nhân lực công nghệ; quản lý đội ngũ chuyên gia, nhà nghiên cứu và kỹ sư; phát triển năng lực công nghệ và năng lực đổi mới sáng tạo; quản trị tri thức và học tập tổ chức; xây dựng văn hóa đổi mới sáng tạo; đánh giá hiệu quả hoạt động của nhân lực khoa học và công nghệ; cũng như các chính sách thu hút, duy trì và phát triển nhân tài công nghệ. Học phần đồng thời phân tích tác động của chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo và các xu hướng công nghệ mới đối với quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức. Thông qua nghiên cứu tình huống và các bài tập ứng dụng, học viên phát triển năng lực xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực công nghệ, tổ chức và khai thác hiệu quả nguồn lực tri thức nhằm nâng cao năng lực công nghệ, năng lực đổi mới sáng tạo và khả năng cạnh tranh của tổ chức trong bối cảnh kinh tế số và hội nhập quốc tế.

13. Phân tích dữ liệu và dự báo công nghệ

Số tín chỉ: 02

Mã học phần: MAR4430

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Học phần Phân tích dữ liệu và dự báo công nghệ thuộc nhóm học phần tự chọn của khối kiến thức chuyên ngành, được giảng dạy ở học kỳ thứ ba của chương trình. Học phần cung cấp cho người học kiến thức và công cụ khai thác dữ liệu phục vụ hoạt động quản lý công nghệ, đổi mới sáng tạo và hoạch định chiến lược phát triển công nghệ trong tổ chức/doanh nghiệp. Nội dung học phần tập trung vào các phương pháp thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu; khai phá dữ liệu; trực quan hóa dữ liệu; phân tích dữ liệu khoa học công nghệ; ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) và các công cụ phân tích hiện đại trong hỗ trợ ra quyết định. Học phần đồng thời trang bị các phương pháp dự báo xu hướng công nghệ, xây dựng kịch bản phát triển công nghệ và nhận diện các cơ hội đổi mới sáng tạo trong tương lai. Thông qua các bài tập thực hành và nghiên cứu tình huống, học viên phát triển năng lực phân tích dữ liệu, dự báo xu hướng công nghệ và đề xuất các định hướng phát triển công nghệ phù hợp với mục tiêu chiến lược của tổ chức trong bối cảnh chuyển đổi số và kinh tế tri thức.

14. Tài chính và đầu tư công nghệ

Số tín chỉ: 02

Mã học phần: FIA4402

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Học phần Tài chính và đầu tư công nghệ thuộc nhóm học phần tự chọn của khối kiến thức chuyên ngành, được giảng dạy ở học kỳ thứ ba của chương trình. Học phần cung cấp cho người học kiến thức và công cụ tài chính phục vụ hoạt động đầu tư, phát triển và đổi mới công nghệ trong tổ chức/doanh nghiệp. Nội dung học phần tập trung vào các nguyên tắc tài chính trong đầu tư công nghệ; phân tích chi phí - lợi ích; thẩm định và đánh giá hiệu quả các dự án công nghệ; định giá công nghệ và tài sản trí tuệ; quản lý danh mục đầu tư công nghệ; huy động vốn cho các hoạt động nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo. Học phần đồng thời trang bị các phương pháp phân tích rủi ro tài chính, đánh giá khả năng sinh lời và tính khả thi của các dự án công nghệ trong bối cảnh biến động của thị trường và môi trường kinh doanh. Thông qua các tình huống thực tiễn và bài tập ứng dụng, học viên phát triển năng lực xây dựng, phân tích và lựa chọn các phương án đầu tư công nghệ phù hợp nhằm nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo, hiệu quả sử dụng nguồn lực và năng lực cạnh tranh của tổ chức.

15. Hợp tác đổi mới công nghệ

Số tín chỉ: 02

Mã học phần: MAR4431

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Học phần Hợp tác đổi mới công nghệ thuộc nhóm học phần tự chọn của khối kiến thức chuyên ngành, được giảng dạy ở học kỳ thứ ba của chương trình. Học phần cung cấp cho

người học kiến thức và công cụ xây dựng, quản lý và phát triển các mối quan hệ hợp tác trong hoạt động nghiên cứu, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo. Nội dung học phần tập trung vào các mô hình đổi mới mở (Open Innovation); hợp tác giữa doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học và cơ quan quản lý nhà nước; phát triển mạng lưới và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo; quản lý các dự án hợp tác nghiên cứu và phát triển công nghệ; chia sẻ tri thức và chuyển giao công nghệ giữa các bên liên quan. Học phần đồng thời phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hợp tác như năng lực hấp thụ công nghệ, cơ chế phối hợp, quản lý tài sản trí tuệ và phân chia lợi ích trong các hoạt động đổi mới sáng tạo. Thông qua các tình huống thực tiễn và bài tập ứng dụng, học viên phát triển năng lực thiết lập, điều phối và đánh giá các chương trình hợp tác đổi mới công nghệ nhằm khai thác hiệu quả nguồn lực, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và nâng cao năng lực cạnh tranh của tổ chức trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số.

16. Quản trị an ninh công nghệ

Số tín chỉ: 02

Mã học phần: SEC4469

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Học phần Quản trị an ninh công nghệ thuộc nhóm học phần tự chọn của khối kiến thức chuyên ngành, được giảng dạy ở học kỳ thứ ba của chương trình. Học phần cung cấp cho người học kiến thức và công cụ quản lý các rủi ro liên quan đến công nghệ, dữ liệu và hệ thống thông tin trong tổ chức/doanh nghiệp. Nội dung học phần tập trung vào các nguyên tắc quản trị an ninh công nghệ; nhận diện, đánh giá và kiểm soát rủi ro công nghệ; bảo vệ tài sản công nghệ, dữ liệu và sở hữu trí tuệ; quản lý an toàn thông tin và an ninh mạng; xây dựng chính sách, quy trình và kế hoạch ứng phó với các sự cố an ninh công nghệ. Học phần đồng thời phân tích các yêu cầu pháp lý, tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế liên quan đến bảo mật thông tin, quản trị rủi ro và tuân thủ trong môi trường số. Thông qua các tình huống thực tiễn và bài tập ứng dụng, học viên phát triển năng lực đánh giá mức độ an toàn của hệ thống công nghệ, đề xuất các giải pháp quản trị rủi ro và xây dựng các cơ chế bảo vệ phù hợp nhằm bảo đảm hoạt động liên tục, an toàn và bền vững của tổ chức trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

17. Chuyển giao và thương mại hóa công nghệ

Số tín chỉ: 02

Mã học phần: MAR4432

Học phần tiên quyết: Quản trị công nghệ và đổi mới sáng tạo

Tóm tắt nội dung:

Học phần Chuyển giao và thương mại hóa công nghệ thuộc nhóm học phần tự chọn của khối kiến thức chuyên ngành, được giảng dạy ở học kỳ thứ ba của chương trình. Học phần cung cấp cho người học kiến thức và công cụ quản lý quá trình chuyển giao công nghệ và

thương mại hóa các kết quả nghiên cứu, phát triển công nghệ trong tổ chức/doanh nghiệp. Nội dung học phần tập trung vào các mô hình và hình thức chuyển giao công nghệ; đánh giá tiềm năng ứng dụng và khả năng thương mại hóa công nghệ; xây dựng và quản lý hợp đồng chuyển giao công nghệ; phát triển thị trường công nghệ và các cơ chế liên kết giữa viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước. Thông qua các tình huống thực tiễn và bài tập ứng dụng, học viên phát triển năng lực xây dựng, tổ chức triển khai và đánh giá các hoạt động chuyển giao, thương mại hóa công nghệ nhằm gia tăng giá trị của kết quả nghiên cứu, nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo và hiệu quả hoạt động của tổ chức.

18. Chuyên đề: Ứng dụng công nghệ số (AI, Big Data,...) trong quản trị doanh nghiệp

Số tín chỉ: 02

Mã học phần: MAR4428

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Chuyên đề: Ứng dụng công nghệ số (AI, Big Data,...) trong quản trị doanh nghiệp là học phần bắt buộc, có khối lượng 2 tín chỉ, thuộc khối kiến thức chuyên ngành và được tổ chức vào học kỳ ba của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý Khoa học và Công nghệ. Học phần kết nối kiến thức quản lý công nghệ và đổi mới sáng tạo với những chuyển biến nhanh của công nghệ số trong thực tiễn quản trị doanh nghiệp. Học phần tiếp cận công nghệ số từ góc độ nhà quản lý chứ không phải góc độ kỹ thuật. Nội dung cốt lõi gồm năm chương: bối cảnh kinh tế số và năng lực số của doanh nghiệp; dữ liệu lớn và quản trị dữ liệu doanh nghiệp; trí tuệ nhân tạo và phân tích dữ liệu hỗ trợ ra quyết định quản trị; ứng dụng công nghệ số trong các lĩnh vực chức năng của quản trị doanh nghiệp; và triển khai, đánh giá hiệu quả cùng quản trị có trách nhiệm các sáng kiến công nghệ số. Do tốc độ thay đổi nhanh của công nghệ, học phần được thiết kế theo cấu trúc mở: phần lõi gồm năm chương và chuẩn đầu ra được giữ ổn định, trong khi các công nghệ cụ thể, công cụ, ví dụ, tình huống, số liệu và tài liệu minh họa được giảng viên rà soát, cập nhật trước mỗi học kỳ. Phương pháp giảng dạy chủ đạo là bài giảng kết hợp seminar, thảo luận và phân tích tình huống thực tiễn; phương pháp kiểm tra chính gồm tiểu luận cá nhân, bài tập lớn theo nhóm có thuyết trình và bài thi tự luận cuối kỳ.

19. Thực tập

Số tín chỉ: 06

Mã học phần: MAR4533

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Học phần Thực tập thuộc khối kiến thức tốt nghiệp, được thực hiện tại doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước, viện nghiên cứu, trường đại học, trung tâm đổi mới sáng tạo hoặc các tổ chức có hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Học phần nhằm giúp

học viên vận dụng kiến thức và kỹ năng đã tích lũy vào giải quyết các vấn đề thực tiễn liên quan đến quản lý công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, quản lý R&D, chuyển giao và thương mại hóa công nghệ. Trong quá trình thực tập, học viên thực hiện khảo sát, thu thập thông tin, phân tích hiện trạng hoạt động công nghệ và đổi mới sáng tạo của đơn vị thực tập; đồng thời tham gia vào các hoạt động chuyên môn phù hợp với định hướng đào tạo. Trên cơ sở đó, học viên nhận diện vấn đề, đánh giá các cơ hội và thách thức trong hoạt động quản lý công nghệ, đề xuất các giải pháp hoặc định hướng cải tiến phù hợp với điều kiện thực tiễn của tổ chức. Kết thúc học phần, học viên xây dựng báo cáo thực tập thể hiện năng lực phân tích, tổng hợp, vận dụng kiến thức chuyên môn và phối hợp với các bên liên quan, làm cơ sở cho việc thực hiện đề án tốt nghiệp thạc sĩ.

20. Đề án tốt nghiệp thạc sĩ Quản lý Khoa học và Công nghệ

Số tín chỉ: 09

Mã học phần: MAR4534

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Học phần Đề án tốt nghiệp thạc sĩ Quản lý Khoa học và Công nghệ thuộc khối kiến thức tốt nghiệp, được thực hiện ở học kỳ cuối của chương trình. Học phần nhằm đánh giá năng lực tổng hợp kiến thức chuyên môn, kỹ năng phân tích và khả năng giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của học viên. Nội dung đề án tập trung vào việc nhận diện một vấn đề thực tiễn tại cơ quan, tổ chức hoặc doanh nghiệp; phân tích bối cảnh và hiện trạng; vận dụng các lý thuyết, mô hình và công cụ quản lý phù hợp để đánh giá vấn đề; từ đó đề xuất các giải pháp hoặc sáng kiến nhằm nâng cao năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo và hiệu quả hoạt động của tổ chức. Học viên thực hiện thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu, đánh giá tính khả thi và hiệu quả của giải pháp trên các khía cạnh công nghệ, tài chính, tổ chức và thị trường. Kết quả đề án được trình bày và bảo vệ trước Hội đồng theo quy định của Học viện.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



GS.TS Từ Minh Phương

PHỤ LỤC 1

DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG, PHÙ HỢP, NGÀNH GẦN, NGÀNH KHÁC VÀ CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG KIẾN THỨC
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÀNH QUẢN LÝ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Ngành đào tạo	Ngành/Chuyên ngành phù hợp	Ngành gần/khác và các học phần bổ sung kiến thức	Ghi chú	
Quản lý Khoa học và Công nghệ Mã số ngành: 8340412	- Khoa học Quản lý - Quản trị nhân lực - Quản lý công - Quản lý dự án - Hệ thống thông tin quản lý - Quản trị kinh doanh - Tài chính ngân hàng - Công nghệ tài chính - Kinh doanh thương mại - Kinh doanh quốc tế - Thương mại điện tử - Kinh doanh số - Các chuyên ngành về Quản trị - Quản lý, Kinh doanh của trường đại học khác; - Hoặc các ngành/chuyên ngành đào tạo thuộc Nhóm ngành Kinh doanh, Quản trị - Quản lý theo Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.	Ngành gần	Học phần bổ sung kiến thức	Số TC
		Nhóm 1:		
		1. Kinh tế vĩ mô		3
		2. Quản trị học		3
		3. Quản trị dự án		3
Nhóm 2:		Học bổ sung 6 học phần, gồm 3 học phần thuộc Nhóm 1 và học thêm 3 học phần sau:		
		1. Quản trị rủi ro và khủng hoảng	3	
		2. Quản trị đa văn hóa	2	
		3. Khởi sự kinh doanh	3	

(*) Học phần sẽ được xem xét miễn học và công nhận kết quả nếu chương trình đào tạo đại học của thí sinh đã có học phần với nội dung tương đương với các học phần nêu trên.

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC CÁC MÔN HỌC DÙNG XÉT TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
NGÀNH QUẢN LÝ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Môn Cơ sở ngành (Chọn 1 trong 3 môn)		Môn Chuyên ngành (Chọn 1 trong 3 môn)	
<i>Tên môn học</i>	<i>Số TC</i>	<i>Tên môn học</i>	<i>Số TC</i>
Kinh tế vĩ mô	3	Quản trị rủi ro và khủng hoảng	3
Quản trị học	3	Quản trị đa văn hoá	2
Quản trị dự án	3	Khởi sự kinh doanh	3

HỌC TẬP HỌC TẬP CHUẨN
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ, NGÀNH QUẢN LÝ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

NĂM HỌC THỨ NHẤT			NĂM HỌC THỨ HAI		
TT	Tên môn học/học phần	Số TC Học kỳ	TT	Tên môn học/học phần	Số TC Học kỳ
1	Triết học	3 HK1	1	Tiêu chuẩn và đánh giá công nghệ	3 HK3
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2 HK1	2	Quản trị và khai thác tài sản trí tuệ	3 HK3
3	Kinh tế học quản trị	3 HK1	3	Chuyên đề: Ứng dụng công nghệ số trong quản trị doanh nghiệp	2 HK3
4	Quản trị công nghệ và đổi mới sáng tạo	3 HK1	4	02 học phần tự chọn	4 HK3
		11			12
5	Quản lý R&D và dự án công nghệ	3 HK2	5	Thực tập	6 HK4
6	Lãnh đạo và hành vi tổ chức	3 HK2	6	Đề án tốt nghiệp	9 HK4
7	Quản trị sự thay đổi và chuyển đổi số trong doanh nghiệp	2 HK2			
8	Tổ hợp tự chọn	4 HK2			
		12			15
			Tổng số tín chỉ		50

Tổ hợp tự chọn

Tổ hợp 1 (QL công nghệ trong DN):

- | | | |
|---|--------------------------------------|---|
| 1 | Quản trị chiến lược công nghệ | 2 |
| 2 | Quản trị vận hành dựa trên công nghệ | 2 |

Tổ hợp 2 (KD và khởi nghiệp công nghệ):

- | | | |
|---|---|---|
| 1 | Marketing và phát triển thị trường công nghệ | 2 |
| 2 | Khởi nghiệp công nghệ và tạo lập doanh nghiệp | 2 |

Các học phần tự chọn chuyên ngành

- | | | |
|---|--|---|
| 1 | Quản trị nguồn nhân lực khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo | 2 |
| 2 | Phân tích dữ liệu và dự báo công nghệ | 2 |
| 3 | Tài chính và đầu tư công nghệ | 2 |
| 4 | Hợp tác đổi mới công nghệ | 2 |
| 5 | Quản trị an ninh công nghệ | 2 |
| 6 | Chuyển giao và thương mại hóa công nghệ | 2 |

TIẾN TRÌNH HỌC TẬP CHUẨN
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ, NGÀNH QUẢN LÝ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

